

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09/9/2019.
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Việt Giang.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Huyền.

2. Ông Nguyễn Duy Tính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tri - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 về việc: “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Lan H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu 12, xã X, huyện L, tỉnh P.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu 12, xã X, huyện L, tỉnh P.

(Vắng mặt không có lý do)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện L, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế L - Chức vụ: Cán bộ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện L.

(Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải tại tòa án nguyên đơn chị Vũ Thị Lan H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn ngày 26 tháng 11 năm 2011. Trước khi kết hôn anh chị có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện L, tỉnh P. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại khu 12, xã X, huyện L, tỉnh P. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vã, xích mích, không thể tiếp tục chung sống, có xảy ra cãi nhau to tiếng, vũ lực. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị H khẳng định chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Bình M, sinh ngày 14/11/2012 và Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 08/8/2014. Tại biên bản hòa giải ngày 13/6/2019 chị Hoa và anh Thảo đã thống nhất thỏa thuận khi ly hôn anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Bình M, sinh ngày 14/11/2012 và Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 08/8/2014 và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T vì anh T tự nguyện không yêu cầu. Cùng ngày chị H có đơn đề nghị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 08/8/2014. Hiện nay chị H là lao động tự do thu nhập bình quân của chị là 5.000.000đ/01 tháng. Chị khẳng định chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu.

Ngày 29/8/2019 chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H đề nghị giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Bình M, sinh ngày 14/11/2012 và Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 08/8/2014.

Về tài sản chung: Chị H xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị H xác nhận chị và anh T có vay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L tổng số tiền gốc là 62.000.000đ. Chị và anh T đã thống nhất thỏa thuận theo biên bản thỏa thuận về công nợ ngày 13/6/2019, chị H có trách nhiệm trả nợ số tiền gốc là 12 triệu đồng cùng lãi phát sinh theo hợp đồng. Còn khoản nợ 50 triệu đồng là nợ chung, vợ chồng chị H, anh T mỗi người có trách nhiệm trả 25 triệu đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng.

Về công sức đóng góp: Chị H xác nhận không có đóng góp gì cho gia đình

nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải tại tòa án bị đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác nhận phần trình bày của chị H về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn là đúng. Trước khi kết hôn vợ chồng có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như chị H trình bày. Nay chị H xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Bình M, sinh ngày 14/11/2012 và Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 08/8/2014. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi hai con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung và về công sức đóng góp: Anh T cũng xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh T xác nhận anh và chị H có vay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Thao tổng số tiền gốc là 62.000.000đ. Anh và chị H đã thống nhất thỏa thuận theo biên bản thỏa thuận về công nợ ngày 13/6/2019, chị H có trách nhiệm trả nợ 12 triệu đồng cùng lãi phát sinh theo hợp đồng, vì đây là số tiền chị H sử dụng vào việc riêng. Còn khoản nợ 50 triệu đồng là nợ chung sử dụng vào việc chung, anh T và chị H mỗi người có trách nhiệm trả 25 triệu đồng cùng lãi phát sinh theo hợp đồng cho ngân hàng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện L. Tại bản tự khai và bản tự khai bổ sung ông Nguyễn Thế L - Người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Hiện nay chị H và anh T còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện L tổng số tiền gốc là 62.000.000đ. Cụ thể: Ngày 13/11/2014 chị H và anh T vay số tiền gốc là 12.000.000đ, lãi suất 0,8%/tháng. Hạn trả nợ ngày 13/11/2019.

Ngày 16/11/2017 Chị H và anh T vay số tiền gốc là 50.000.000đ, lãi suất là 0,66%/tháng. Hạn trả nợ là ngày 13/11/2021. Nay chị H và anh T ly hôn và có đưa ra phương án trả nợ: Chị H có trách nhiệm trả nợ 12 triệu đồng tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng vay ngày 13/11/2014. Khoản vay 50.000.000đ ngày 16/11/2017 chị H và anh T có trách nhiệm mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng. Tổng cả hai khoản vay chị H có trách nhiệm trả số tiền gốc là 37.000.000đ và anh T có trách nhiệm trả số tiền gốc 25.000.000đ và lãi suất phát sinh theo hợp đồng cho ngân hàng.

Quan điểm của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện L nhất trí với thỏa thuận của chị Vũ Thị Lan H và anh Nguyễn Xuân T. Ngân hàng đồng ý với phương án trả nợ của chị H và anh T.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị Lan H đối với anh Nguyễn Xuân T. Xử cho chị Vũ Thị Lan H được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

Về con chung:

Giao cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Vũ Bình M, sinh ngày 14/11/2012 và cháu Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 08/8/2014 đến khi các cháu thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung và về công sức đóng góp: Chị H và anh T đều xác nhận không có tài sản chung và không có đóng góp gì cho gia đình nên đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ:

Chị Vũ Thị Lan H có trách nhiệm trả số tiền gốc 12 triệu đồng cùng lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay ngày 13/11/2014 và số tiền 25.000.000đ cùng lãi phát sinh theo hợp đồng vay ngày 16/11/2017 cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L.

Nguyễn Xuân T có trách nhiệm trả số tiền 25.000.000đ và lãi suất phát sinh theo hợp đồng theo hợp đồng vay ngày 16/11/2017 cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L.

Về án phí: Chị Vũ Thị Lan H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Chị Vũ Thị Lan H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh Nguyễn Xuân T, trú tại: Khu 12, xã X, huyện L, tỉnh P. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo

khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Nguyễn Xuân T được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh T là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Lan H và anh Nguyễn Xuân T có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, L, P ngày 26 tháng 11 năm 2011. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Chị H và anh T cũng đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hay cãi vã, xích mích. Nay chị H và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên cả hai đều nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau và sớm ổn định cuộc sống. Như vậy có thể thấy đời sống hôn nhân giữa chị H và anh T thực tế không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị Lan H và anh Nguyễn Xuân T đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Bình M, sinh ngày 14/11/2012 và Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 08/8/2014. Khi ly hôn anh Thảo đề nghị xin được nuôi 02 cháu Nguyễn Vũ Bình M và Nguyễn Thị Bình A, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Tại biên bản hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/8/2019 chị H đề nghị giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Bình M, sinh ngày 14/11/2012 và Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 08/8/2014. Ngoài ra Tòa án đã xác minh tại khu dân cư nơi Chị H và anh T sinh sống thì quan điểm của của Hội trưởng hội liên hiệp phụ nữ và thanh niên xã Xuân Lũng đề nghị Tòa án tôn trọng thỏa thuận của vợ chồng anh chị. Nếu các đương sự không thỏa thuận được thì đề nghị giao cho mỗi người 1 cháu. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cháu Nguyễn Vũ Bình M và Nguyễn Thị Bình A, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T, do anh T không yêu cầu là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và về công sức đóng góp: Chị Vũ Thị Lan H và anh Nguyễn Xuân T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có đóng góp gì cho gia đình hai bên nên đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về công nợ: Chị Vũ Thị Lan H và anh Nguyễn Xuân T đều xác nhận có vay Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện L tổng số tiền gốc là

62.000.000đ. Tại biên bản thỏa thuận về công nợ ngày 13/6/2019 và biên bản hòa giải Anh T và chị H đã thống nhất thỏa thuận, chị H có trách nhiệm trả nợ 12 triệu đồng cùng lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay ngày 13/11/2014, vì đây là số tiền chị H sử dụng vào việc riêng. Còn khoản nợ 50 triệu đồng là nợ chung sử dụng vào việc chung, anh T và chị H mỗi người có trách nhiệm trả 25 triệu đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay ngày 16/11/2017. Quan điểm của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện L nhất trí với thỏa thuận của chị Vũ Thị Lan H và anh Nguyễn Xuân T. Ngân hàng đồng ý với phương án trả nợ của chị H và anh T. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của các đương sự và quan điểm của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội L là phù hợp với quy định của pháp luật vì vậy cần ghi nhận thỏa thuận của chị H và anh T.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị Lan H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị Lan H đối với anh Nguyễn Xuân T. Xử cho chị Vũ Thị Lan H được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

2. Về con chung:

Giao cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Vũ Bình M, sinh ngày 14/11/2012 và cháu Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 08/8/2014 đến khi các cháu thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nợ chung:

Chị Vũ Thị Lan H có trách nhiệm trả số tiền gốc 12 triệu đồng cùng lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay ngày 13/11/2014 và số tiền 25.000.000đ cùng lãi phát sinh theo hợp đồng vay ngày 16/11/2017 cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L.

Nguyễn Xuân T có trách nhiệm trả số tiền 25.000.000đ và lãi suất phát sinh theo hợp đồng theo hợp đồng vay ngày 16/11/2017 cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị Lan H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0002619 ngày 12/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Cơ quan THADS huyện;
- UBND xã X;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Việt Giang